

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN**



BÙI THANH THẢO

**TRUYỆN NGẮN
TRONG KHUYNH HƯỚNG VĂN HỌC YÊU NƯỚC
Ở ĐÔ THỊ MIỀN NAM 1965 – 1975**

**Chuyên ngành: VĂN HỌC VIỆT NAM
Mã số: 62.22.34.01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

TP. HỒ CHÍ MINH - 2016

Công trình được hoàn thành tại:

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI
VÀ NHÂN VĂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. TRẦN HỮU TÁ**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở
đào tạo hợp tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
vào hồi, giờ, ngày..... tháng năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn TP. Hồ Chí Minh
- Thư viện Khoa học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Văn học yêu nước ở đô thị miền Nam (VHYNOĐTMN) 1954-1975 là một bộ phận không thể tách rời của văn học dân tộc, truyện ngắn là thể loại thành công và có đóng góp đáng kể cho thành tựu của bộ phận văn học này.

1.2. Chặng đường 1965-1975 chứng kiến sự thay đổi lớn về tình hình chính trị - xã hội: sự hiện diện của quân Mỹ ở miền Nam làm bùng nổ tinh thần yêu nước của nhân dân, phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh, lực lượng sáng tác văn học được bổ sung những cây bút trẻ đầy tiềm năng,... Đó là những điều kiện thuận lợi để truyện ngắn trong khuynh hướng yêu nước ở đô thị miền Nam (viết tắt là TNYNOĐTMN) mười năm này phát triển mạnh và có nhiều tác phẩm thực sự giá trị.

1.3. Vì nhiều lý do khác nhau, việc sưu tầm, nghiên cứu mảng truyện ngắn này cho đến nay vẫn chưa được thực hiện một cách hệ thống và toàn diện. Hướng nghiên cứu trọn vẹn từng thể loại cũng chưa được quan tâm.

2. Lịch sử vấn đề

Chúng tôi chú ý đến hai nhóm vấn đề chính:

2.1. Những công trình nghiên cứu về tổng thể VHYNOĐTMN 1954-1975

Nội dung này bao gồm những công trình trước và sau 1975, nghiên cứu hoặc nhận xét tổng thể về khuynh hướng yêu nước trong văn học ở đô thị miền Nam. Về cơ bản, trước 1975, cả miền Nam lẫn miền Bắc đều rất quan tâm nhưng cũng rất dè dặt khi đề cập trực tiếp đến VHYNOĐTMN, chủ yếu do sự

khác biệt quan điểm chính trị hoặc vì lý do an toàn của các cây bút yêu nước. Trước 1975 có thể kể đến những bài viết: *Nhìn lại 15 năm văn nghệ miền Nam* (Bách Khoa, 1972) của Nguyễn Mộng Giác, *Nhận định về mấy cảm hứng văn nghệ* (Đối Diện, 1972) của một thành viên nhóm Việt (ký là “Việt”), *Đề tài chiến tranh trong văn học miền Nam vùng tạm bị chiếm* (Văn học, 1967) của Trường Lưu,... Những bài viết này chủ yếu dừng lại ở nhận định ban đầu, gắn với thời điểm cụ thể, chưa có tính khái quát.

Sau 1975, khuynh hướng VHYNỎĐTMN 1954-1975 được nhắc đến nhiều hơn nhưng vẫn không tránh khỏi sự e dè: *Hai mươi năm văn học yêu nước tại các thành thị miền Nam (1954-1975)* (Văn học, 1976) của Nguyễn Huy Khánh, *Văn học Việt Nam chống Mỹ cứu nước* (Hoàng Trung Thông chủ biên), *Văn học yêu nước tiến bộ - cách mạng trên văn đàn công khai Sài Gòn 1954 – 1975* (giới thiệu tuyển tập cùng tên) của Trần Trọng Đăng Đàn, (1993), “*Văn nghệ chống Mỹ của học sinh sinh viên đô thị miền Nam, một thời và mãi mãi...*” (in trong *Tiếng hát những người đi tới*) của Trần Bạch Đằng, *Văn học thời kỳ 1945-1975 ở Thành phố Hồ Chí Minh* (2008) của Vũ Hạnh, Nguyễn Ngọc Phan,... Những công trình trên chủ yếu giới thiệu tổng thể khuynh hướng VHYNỎĐTMN, đánh giá vai trò lịch sử của nó trong cuộc đấu tranh đòi hòa bình, thống nhất đất nước. Trong số những công trình có tính tổng quan, *Nhìn lại một chặng đường văn học* (2000) của Trần Hữu Tá có thể xem là công trình có tính chất khái quát tương đối trọn vẹn khuynh hướng văn học này, sau 25 năm đất nước thống nhất.

2.2. Những công trình nghiên cứu về TNYNOĐTMN 1965-1975

Ở đây, chúng tôi chia thành 2 nhóm: những công trình có chú ý đến thể loại truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước 1965-1975 và những công trình nghiên cứu về tác giả, tác phẩm thuộc mảng truyện ngắn này.

- Những công trình chú ý đến thể loại truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước 1965-1975: *Đề tài chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ trong văn học miền Nam vùng tạm bị chiếm* (Văn học, 1968) của Thạch Phương, *Mấy suy nghĩ về một chiều hướng phát triển mới trong văn học thành thị miền Nam* (Văn học, 1974) của Lữ Phương, *Lời giới thiệu tuyển tập Mùa xuân chim én bay về* (1986) của Huỳnh Như Phương, *Tựa cho Tuyển tập truyện ngắn Việt* của Huỳnh Như Phương, *Truyện ngắn yêu nước ở Huế giai đoạn 1964-1975* (luận văn thạc sĩ) của Hoàng Hương Thảo,... Một số công trình chúng tôi có đề cập ở mục 2.1 cũng có một phần nhỏ chú ý riêng đến truyện ngắn. Nhìn chung, những công trình chú ý về thể loại là rất ít, và cũng gần như không phải mục đích chính của tác giả công trình. *Truyện ngắn trong dòng văn học yêu nước đô thị miền Nam 1954-1965* (luận án tiến sĩ) của Phạm Thanh Hùng chú ý đến đề tài này nhưng là chặng đường trước 1965.

- Những công trình nghiên cứu về tác giả, tác phẩm thuộc TNYNOĐTMN 1965-1975: trong *Tựa cho Tuyển tập truyện ngắn Việt*, nhà nghiên cứu Huỳnh Như Phương vừa nhận xét tổng thể truyện ngắn nhóm Việt vừa chú ý đến phong cách riêng của từng cây bút thuộc nhóm này: một Trần Hữu Lục với *giọng văn trữ tình*, một Trần Duy Phiên với *ngòi bút sắc cạnh và bạo*

liệt, một Trần Hồng Quang với *giọng văn nhân hậu*, một Huỳnh Ngọc Sơn với *giọng văn chân phác*, một Trường Sơn Ca *đậm chất ký sự*, một Võ Trường Chinh với *sự kết hợp khá nhuần nhị giữa chất hiện thực và chất lãng mạn*. Năm 1977, trong bài viết *Những ngày Đồi Diệm* (*Đứng Dậy* số 100), Trần Hữu Lục cũng nhắc đến những nội dung chính của truyện ngắn nhóm Việt như kêu gọi lính cộng hoà bỏ ngũ, miêu tả cuộc sống bi thảm của người dân, kêu gọi đấu tranh. Năm 2010, Trần Hữu Lục có một bài viết khác là *Văn chương nhóm Việt*, có phần cụ thể hơn nhưng không chú ý nhiều đến phương diện nghệ thuật. Về nhóm Việt, còn có một số bài viết khác như *Phác họa một thế hệ là máu thịt của cả đời người* (Vu Gia), *Có một thời để nhớ* (Trần Thức), *Nói những giấc mơ đẹp* (Tần Hoài Dạ Vũ – Nguyễn Đông Nhật),... nhưng đánh giá về tác phẩm rất ít.

Công trình *Văn học Việt Nam nơi miền đất mới* (Nguyễn Q.Thắng) đã tập hợp và giới thiệu rất nhiều cây bút của “miền đất mới”, trong đó tập III và IV có khá nhiều cây bút TNYNOĐTMN 1965-1975. Tuy nhiên, các bài viết chỉ dừng lại ở mức độ sơ lược về thân thế, sự nghiệp nhà văn chứ chưa phải là nghiên cứu sâu từng trường hợp.

Một số công trình nghiên cứu về từng tác giả như *Cái duyên của Bình Nguyên Lộc* (*Thời Tập*, 1974) của Hoàng Văn Bình; *Nhà văn của tâm lý đời sống hàng ngày* (*Thời Tập*, 1974) của Cao Huy Khanh; *Trần Duy Phiên – hai quê hương, một ngòi bút* của Trần Hữu Lục; *Thế Vũ – những trang văn để lại* của Huỳnh Như Phương; *Thế Vũ – một đời văn* của Phùng Tiết. Một công trình khác cũng được một số độc giả quan tâm là *Văn học miền Nam 1954-1975* của Huỳnh Ái Tông, ấn hành ở Mỹ

năm 2012, gồm 7 tập với hơn 4000 trang. Về tổng thể, công trình này được thực hiện dựa trên quan điểm của người đứng về phía Việt Nam Cộng hòa trước 1975. Tuy nhiên các tác giả được nhắc đến ở đây gồm đủ các khuynh hướng sáng tác ở miền Nam, bao gồm cả một số cây bút có truyện ngắn thuộc khuynh hướng yêu nước: Bình Nguyên Lộc, Vũ Bằng, Vũ Hạnh, Sơn Nam, Kiêm Minh, Phan Du, Lưu Nghi, Nguyễn Văn Xuân, Lê Tất Điều, Minh Quân, Tường Linh, Võ Hồng, Võ Ưu, Trần Quang Long, Ngụy Ngữ, Nguyễn Nguyên, Thế Vũ, Tiêu Dao Bảo Cự, Cung Tích Biền. Đáng tiếc là những nhận xét về văn chương của công trình này rất ít và cũng không thật khái quát. Ngoài ra, còn phải kể đến hàng loạt luận văn, luận án nghiên cứu về một số tác giả thuộc mảng truyện ngắn này, tuy nhiên hầu như chỉ tập trung ở những tên tuổi quen thuộc như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Võ Hồng, Nguyễn Văn Xuân.

Nhìn chung, khi tìm hiểu lịch sử nghiên cứu TNYNOĐTMN 1965-1975, chúng tôi có một số nhận định:

- Số lượng công trình nghiên cứu công phu về VHYNOĐTMN (và truyện ngắn nói riêng) còn khá hạn chế.

- Một số công trình có tính chất văn học sử khi nói về văn học Việt Nam 1945-1975 chưa chú ý đúng mức đến vai trò của VHYNOĐTMN trong dòng chảy chung của văn học dân tộc.

- Do đặc thù tồn tại trong lòng đô thị miền Nam và gắn với phong trào đấu tranh ở đô thị, VHYNOĐTMN (trong đó có truyện ngắn) nhiều khi không được nhìn nhận như văn chương đích thực mà chỉ như phương tiện đấu tranh nhất thời. Vì thế, đối tượng này ít được lựa chọn nghiên cứu.

- Đa số công trình nghiên cứu khuynh hướng văn học này thường theo hai hướng: hoặc chú ý tổng thể, hoặc chú ý từng tác giả; còn nghiên cứu theo từng thể loại ít được quan tâm.

- Mặc dù không nhiều nhưng những công trình, bài viết chúng tôi đề cập ở trên đã là cơ sở, là gợi ý rất hữu ích cho chúng tôi khi thực hiện đề tài *Truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975*.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: đối tượng khảo sát của luận án là truyện ngắn thuộc khuynh hướng văn học yêu nước xuất hiện công khai ở các đô thị miền Nam trong khoảng thời gian từ 1965 đến 30/4/1975. Nội hàm “truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước” ở đây bao gồm cả những tác phẩm phơi bày thực trạng xã hội và trực tiếp kêu gọi đấu tranh giành độc lập dân tộc lẫn những tác phẩm có ý hướng về dân tộc, về đất nước. Chúng tôi xác định lựa chọn tác phẩm phù hợp với nội hàm trên, không tính đến phương diện chính trị - xã hội của tác giả, cũng như không đặt nặng vấn đề theo dõi quá trình chuyển biến tư tưởng của tác giả trước và sau khi tác phẩm ra đời hoặc sau 30/4/1975.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: chúng tôi xác định đánh giá giá trị về nội dung và nghệ thuật của đối tượng nghiên cứu nói trên, có so sánh với TNYNOĐTMN 1954 – 1965 và văn học cách mạng (miền Bắc và vùng giải phóng) ở một số phương diện.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu vấn đề này, chúng tôi vận dụng kết hợp các phương pháp sau trong cả 3 chương của luận án: phương pháp lịch sử - xã hội, phương pháp hệ thống, phương pháp tiếp cận

thi pháp học, phương pháp phân tích – tổng hợp, phương pháp so sánh – đối chiếu, phương pháp thống kê.

5. Đóng góp của luận án

5.1. Phác thảo một cách tổng thể diện mạo truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975, trong mối quan hệ với mảng truyện ngắn này giai đoạn 1954-1965.

5.2. Khẳng định những đóng góp và chỉ ra những hạn chế của mảng truyện ngắn này, trong tương quan với truyện ngắn mười năm trước (1954-1965) cũng như với văn xuôi yêu nước ở miền Bắc và vùng giải phóng.

5.3. Vận dụng một cách hợp lý lý thuyết hậu thuộc địa, tự sự học,... để đưa ra những kiến giải về nội dung và hình thức nghệ thuật của mảng truyện ngắn này, trong đó đặc biệt chú ý đến sự tiếp nối quá trình hiện đại hoá văn học.

6. Cấu trúc luận án

Luận án có dung lượng 198 trang chính văn, 64 trang tài liệu tham khảo và phụ lục. Ngoài phần dẫn nhập, kết luận, tài liệu tham khảo, luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Tổng quan truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 – 1975 (33 trang)

Chương 2. Truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 – 1975 – từ ý thức về thực tại đến ý thức đấu tranh (65 trang)

Chương 3. Truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 – 1975 nhìn từ phương diện nghệ thuật (71 trang)

**Chương 1. TỔNG QUAN TRUYỆN NGẮN
TRONG KHUYNH HƯỚNG VĂN HỌC YÊU NƯỚC
Ở ĐÔ THỊ MIỀN NAM 1965 – 1975**

1.1. Khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 – 1975 trong bối cảnh lịch sử đặc biệt

1.1.1. Những biến động chính trị - xã hội ảnh hưởng đến văn học

Nhắc đến tình hình xã hội miền Nam 1954-1975, hầu hết nhận định đều gặp nhau ở một từ: “phức tạp”, đặc biệt là mười năm sau, từ 1965. Ở mười năm đầu, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã tìm mọi cách để ổn định xã hội – theo nghĩa là thực hiện triệt để chính sách tổ cộng, tàn sát những người kháng chiến cũ và gia đình, bắt bớ, giam cầm, giết hại những người dân đấu tranh đòi tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Những biện pháp đó đều thất bại, đẩy xã hội miền Nam vào tình cảnh hỗn loạn.

Từ 1954, Mỹ đã có những bước chuẩn bị rất chu đáo để biến miền Nam thành một quốc gia với tư cách “tiền đồn chống cộng” cho Mỹ: dùng người Việt đứng đầu chính quyền, tạo thành bức bình phong dân chủ, tự do; đổ tiền bạc đầu tư cho quân đội Sài Gòn thành một lực lượng đủ mạnh để thực hiện ý đồ của họ; đổ tiền bạc vào một dòng thác mang tên “viện trợ”, biến miền Nam thành một xã hội vật chất, tạo đời sống phong lưu cho những ai sống dựa vào chính quyền,... Và khi chiến tranh đặc biệt thất bại, Mỹ chuyển hướng, ào ạt đổ quân vào miền Nam trực tiếp tham chiến, hy vọng có thể sớm chấm dứt cuộc chiến và đạt được mục tiêu của mình. Chiến tranh ngày càng lan rộng làm cho đời sống nhân dân khốn khổ.

Mỹ và chính quyền Sài Gòn cũng ra sức phát huy sức mạnh của văn hóa, thành lập những tổ chức bè thế nhằm “yểm trợ” kỹ càng cho hoạt động này. Bộ phận văn nghệ sĩ phục vụ chính quyền dùng mọi cách để tuyên truyền chống Cộng. Văn hóa phẩm đòi truy, bạo lực, ngoại lai tràn ngập các đô thị miền Nam. Văn hóa dân tộc đứng trước nguy cơ “biến chất”.

Tuy nhiên, bất chấp nỗ lực đàn áp của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam vẫn diễn ra khắp nơi, lực lượng cách mạng không ngừng lớn mạnh, đặc biệt là từ khi Mỹ trực tiếp đổ quân vào miền Nam. Những cuộc đấu tranh trên đường phố, trong trường học, trên mặt báo,... ngày càng quyết liệt. Tất cả những chuyển biến nhanh chóng và dữ dội của thời đại đã đẩy phong trào đấu tranh cách mạng lên cao, trong đó có đấu tranh trên mặt trận văn hoá, và dĩ nhiên, có sự đóng góp đáng kể của khuynh hướng văn học yêu nước.

1.1.2. Những khuynh hướng chính trong sáng tác văn học ở đô thị miền Nam 1965-1975

Xét về khuynh hướng sáng tác, có thể nói không có sự thay đổi lớn giữa hai chặng đường trước và sau 1965. Có chăng là sự vận động của mỗi khuynh hướng có khác đi theo thời gian và tình hình xã hội.

Ba khuynh hướng chính của văn học miền Nam vẫn thường được các nhà nghiên cứu đi trước nhắc đến là văn học chống đối cách mạng - ủng hộ chính quyền Sài Gòn (có lúc được gọi là văn học chống Cộng), văn học suy đồi (có khi được gọi là văn học khiêu dâm, đòi truy) và văn học yêu nước – cách mạng. Ngoài ra còn phải kể đến một khuynh hướng khác, tồn tại như một thực thể không thể phủ định được: khuynh hướng mơ

hồ về quan điểm, lập trường, thậm chí thoát ly thực tại. Tuy nhiên, vì tính chất phức tạp của văn học miền Nam, ở đây chúng tôi xin tạm gọi ba khuynh hướng chính là: văn học yêu nước, văn học được xem là có khuynh hướng chống cộng, văn học được xem là có khuynh hướng thoát ly, hưởng thụ. Những khuynh hướng văn học này đều chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ của thời đại, nhưng theo những cách khác nhau và với những mục tiêu khác nhau. Ở đây chúng tôi điếm qua tình hình chung, và chỉ đi sâu vào khuynh hướng văn học yêu nước.

1.1.3. Vài nét về khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975

Khuynh hướng văn học yêu nước không phải đến 1965 mới hình thành, mà đó thực sự là mạch nguồn đã chảy suốt lịch sử dân tộc. Chỉ có điều, văn học yêu nước trong mỗi hoàn cảnh khác nhau lại có những biểu hiện và con đường khác nhau: có khi dũng mãnh xông lên tuyến đầu, có khi đường hoàng chính thống ca khúc khải hoàn, có khi âm thầm nuôi dưỡng tình yêu Tổ quốc,...

Từ sau 1965, với những biến động lớn lao của tình hình chính trị - xã hội, VHYNQĐTMN cũng có nhiều biến chuyển. Trừ một số cây bút bị bắt, bị tù hoặc rút hẳn về vùng giải phóng, những cây bút kỳ cựu của 10 năm trước tiếp tục sáng tác, có phần “mạnh tay” hơn. Nhưng đáng kể nhất có lẽ chính là những cây bút trẻ, thuộc thế hệ vừa trưởng thành ngay thập niên 60 thế kỷ XX. Về thơ ca, cảm hứng chính là cảm hứng trữ tình – công dân với yếu tố lãng mạn anh hùng rất rõ nét, qua những ngòi bút như Lê Vĩnh Hoà, Kiên Giang, Hà Kiều, Trần Quang Long, Hữu Đạo, Tần Hoài Dạ Vũ, Đông Trinh, Yên Thi, Thái

Ngọc San, Trần Vàng Sao, Võ Quê,... Về bút ký chính luận có sự đóng góp của Thế Nguyên, Lý Chánh Trung, Nguyễn Ngọc Lan, Trần Triệu Luật, Hoàng Phủ Ngọc Phan,... trong đó Lý Chánh Trung và Nguyễn Ngọc Lan được xem là hai cây bút hàng đầu. Về truyện ngắn, chúng tôi sẽ trình bày cụ thể ở phần tiếp theo.

1.2. Vài nét về truyện ngắn trong khuynh hướng văn học yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 – 1975

1.2.1. Truyện ngắn với vai trò thể loại chủ chốt trong khuynh hướng văn học yêu nước

VHYNỎĐTMN tồn tại trước hết và chủ yếu gắn với hoạt động báo chí, vì thể truyện ngắn có ưu thế hơn. Mặt khác, trong điều kiện dùng văn chương như một loại vũ khí để đấu tranh, những hình thức nhỏ gọn như thơ và truyện ngắn tỏ ra rất hiệu quả. Chính vì lẽ đó, trong mảng văn xuôi có cốt truyện, truyện ngắn nhanh chóng chiếm được vị trí chủ chốt với lực lượng sáng tác và số lượng tác phẩm vô cùng phong phú. Ở đây, khi nói về TNYNỎĐTMN 1965-1975, chúng tôi xác định tiêu chí lựa chọn chính là tác phẩm, như đã nêu ở phần đối tượng nghiên cứu (trang 6).

Về số lượng, TNYNỎĐTMN sau 1965 cũng phong phú không kém giai đoạn trước. Sự xuất hiện của nhiều nhà xuất bản, nhiều tờ báo, đặc biệt là những tờ như *Đối Diện*, *Trình Bày*, *Ý Thức*, *Bách Khoa*, *Tin sáng*, *Văn*, *Tin Văn*, *Đất Nước*, *Vấn Đề*, *Khởi Hành*,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giới thiệu tác phẩm đến với độc giả. Chúng tôi lựa chọn khảo sát tổng cộng 362 tác phẩm thuộc mảng này.

TNYNOĐTMN 1965-1975 kế thừa từ chặng đường trước một lực lượng sáng tác tin cậy gồm nhiều nhà văn nổi tiếng như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Văn Xuân, Vũ Hạnh, Vũ Bằng, Võ Hồng,... Đây là những cây bút kỳ cựu đã phần nào hình thành phong cách nghệ thuật trong sáng tác của mình. Chúng tôi khảo sát khoảng 150 tác phẩm của họ.

Bên cạnh những nhà văn tên tuổi nói trên, mảng truyện ngắn này có sự đóng góp vô cùng quan trọng của những tên tuổi mới, trong đó đa phần là các cây bút trẻ, trưởng thành ngay trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc: Trần Hồng Quang, Võ Trường Chinh, Huỳnh Ngọc Sơn, Tiêu Dao Bảo Cự, Trần Duy Phiên, Thế Vũ, Ngụy Ngữ, Trần Hữu Lục, Biên Hồ, Tường Linh, Hàng Chức Nguyên, Nguyễn Nguyên, Minh Quân, Nguyễn Hoàng Thu, Vô Ưu,... Điểm chung của họ là đều xem văn chương như một cách để lên tiếng, để tìm lối sống cho mình giữa một xã hội mà số thanh niên sống bết tắc, mỗi mòn, thậm chí lạc lối không phải là ít. Họ không chỉ đóng vai trò người cầm bút mà còn là đại diện cho các tầng lớp nhân dân yêu nước, tích cực đấu tranh trên văn đàn công khai ở các đô thị lớn miền Nam. Và điểm khác biệt nữa là những tác giả kể trên chủ yếu sáng tác truyện ngắn, không đa dạng về thể loại như các nhà văn lớp trước.

1.2.2. Truyện ngắn như là sự kết hợp hài hoà giữa tinh thần yêu nước và nỗ lực hiện đại hoá văn học

Tinh thần yêu nước trong TNYNOĐTMN sau 1965 được thể hiện ở nhiều phương diện: sự xót xa, đau đớn trước thực tại; cái nhìn nhiều chiều đối với người lính quân đội Sài Gòn; ý thức sâu sắc về thân phận văn hóa của dân tộc trong sự va chạm

dữ dội với văn hóa Mỹ; ý thức đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Những nội dung trên tuy không hoàn toàn mới mẻ nhưng nó được thể hiện dưới góc nhìn của những cây bút ở đô thị miền Nam, trong tình thế đối diện với sự kiểm duyệt của chính quyền Sài Gòn, vì thế có nhiều điểm đáng cho người đọc suy ngẫm.

Về phương diện hình thức, có thể nói mảng truyện ngắn này chứng kiến nỗ lực không ít của các tác giả làm mới diện mạo tác phẩm. Nếu văn học Nam bộ đầu thế kỷ vẫn còn dùng nhiều từ ngữ, cách diễn đạt chân chất nhưng nhiều khi không đậm tính nghệ thuật thì đọc mảng truyện ngắn này, hầu như khó ai có thể phủ nhận rằng đó chính là văn xuôi nghệ thuật, gần gũi mà hiện đại, chứa đặc điểm vùng miền nhưng vẫn đậm cá tính sáng tạo của người viết.

Tinh thần yêu nước và nỗ lực hiện đại hoá văn học đã đem lại cho TNYNOĐTMN sau 1965 một diện mạo khá mới mẻ, biến nó trở thành một trong hai thể loại chủ công của khuynh hướng văn học yêu nước.

Chương 2. TRUYỆN NGẮN TRONG KHUYNH HƯỚNG VĂN HỌC YÊU NƯỚC Ở ĐÔ THỊ MIỀN NAM 1965–1975 TỪ Ý THỨC VỀ THỰC TẠI ĐẾN Ý THỨC ĐẤU TRANH

2.1. Ý thức về thực tại từ góc nhìn dân tộc

Ở đây chúng tôi tìm hiểu một trong những nội dung quen thuộc nhất của văn học: khả năng phản ánh thực tại. TNYNOĐTMN 1965-1975 thể hiện nhận thức về thực tại của người cầm bút, trước hết và chủ yếu là từ góc nhìn dân tộc. Sự hiện diện của lính Mỹ ở miền Nam đã khiến cho góc nhìn này được vận dụng tối đa, tập trung vào những vấn đề có tính sống còn đối với dân tộc – nhân dân.

2.1.1. Nhận thức về âm mưu của Mỹ ở miền Nam

Nhiều tác phẩm đã thể hiện nhận thức đúng đắn về vai trò của Mỹ ở miền Nam: không phải cố vấn, không phải bạn bè, mà là Mỹ đang thực hiện âm mưu “*nuôi dưỡng*” “*lợi dụng cuộc chiến tranh này*” để “*thành lập vòng đai phòng thủ (...) bên này bờ Thái Bình Dương*” (Nguyễn Âu Hồng). Nếu TNYNOĐTMN trước 1965 chủ yếu mượn bối cảnh thời Pháp hoặc bối cảnh xa xưa của Trung Quốc thì sau 1965, đa phần tác phẩm lấy bối cảnh thực tại. Các tác giả đã dùng tác phẩm của mình để khơi gợi, tiếp sức cho nhận thức đúng đắn ở công chúng về ý đồ thực sự của Mỹ ở miền Nam. Đó cũng là tiền đề cho những nhận thức đầy đủ hơn về hậu quả của “con lốc Mỹ” mà lính viễn chinh Mỹ mang đến miền Nam.

2.1.2. Xót xa trước hậu quả của “con lốc Mỹ” ở miền Nam

“Con lốc Mỹ” đã tạo ra những hậu quả đau đớn mà nhân dân miền Nam phải gánh chịu. Các tác giả truyện ngắn bày tỏ sự xót xa thông qua hình tượng những con người sa đọa, biến chất trước sức mạnh vật chất mà Mỹ mang lại: trẻ con hư hỏng, thanh thiếu niên đua đòi ăn chơi, hưởng thụ (truyện của Huỳnh Ngọc Sơn, Võ Trường Chinh, Trần Hồng Quang, Biên Hồ, Nguyễn Văn Xuân). Bên cạnh đó, không ít cô gái chọn con đường bán mình, với nhiều lý do, nhiều dạng thức khác nhau: bán bar, làm “vợ hồ” cho lính Mỹ, kể cả làm gái điếm trong các “hang động” bản thiu (truyện của Bình Nguyên Lộc, Vũ Hạnh, Dương Trữ La, Nguyễn Nguyên...). Các cây bút yêu nước đã đứng từ phía dân tộc, từ phía nhân dân tiến bộ để nhìn nhận và lý giải các hiện tượng đời sống như trên, để khơi gợi nhận thức đúng đắn từ cộng đồng.

2.1.3. Chiến tranh hay là nỗi ám ảnh dai dẳng của nhân dân

Hầu như khuynh hướng văn học nào ở miền Nam thời gian này cũng đều đề cập đến chiến tranh. Tuy nhiên, điểm khác biệt chính là thái độ và nhận thức của tác giả. Không xem chiến tranh là cái cơ để sống gấp (như khuynh hướng văn nghệ hưởng thụ), để đổ lỗi cho cộng sản (như khuynh hướng chống đối cách mạng), để trốn tránh thực tại (như khuynh hướng thoát ly), các tác giả yêu nước nhắc đến chiến tranh với sự xót xa, thương cảm xen lẫn phẫn nộ, và tình cảm đó được tạo dựng trên cơ sở nhận thức rõ ràng về cuộc chiến.

Chiến tranh hiện lên trong TNYNOĐTMN qua hình ảnh làng xóm, phố xá, nhà cửa, ruộng vườn điêu tàn vì bom đạn; con người cùng quẫn, xác xơ (truyện của Võ Hồng, Chúc Nguyên, Vô Ưu, Võ Trường Chinh, Trần Hồng Quang, Huỳnh Ngọc Sơn,...). Và chiến tranh trở thành nỗi ám ảnh dai dẳng còn vì cái chết đã trở thành mẫu số chung cho nhiều phận người (truyện của Phan Du, Trần Duy Phiên, Võ Trường Chinh, Minh Quân, Biên Hồ,...). Trong mảng truyện ngắn này, điều đáng quý là các tác giả không phân chia chiến tuyến cho tình thương yêu và sự cảm thông. Sự nghèo khổ, chết chóc khiến cho mọi thành phần đều bình đẳng với nhau. Sự sai lầm trong chọn đường (nếu có) của một thành phần nào đó sẽ được thể hiện ở chỗ khác. Còn ở đây, khát vọng hòa bình là tiếng nói chung của tất cả mọi người – những nạn nhân của chiến tranh. Chính cách nhìn nhận đó càng khiến cho mảng truyện ngắn này thấm đượm tinh thần nhân văn sâu sắc.

2.1.4. Tiếng nói mạnh mẽ phản đối chính quyền Sài Gòn

Đối với chính quyền Sài Gòn, các cây bút yêu nước cũng thể hiện thái độ rất rõ ràng: vạch rõ sự bất lực của chính quyền trước âm mưu của Mỹ. Chính quyền bị tố cáo là quan liêu, không “chung giọt mồ hôi” với nhân dân, luôn dùng những luận điệu giả dối đi kèm với vũ lực bạo tàn để áp chế nhân dân. Cần phải nói thêm rằng, đây cũng không phải nội dung mới xuất hiện mà đã có từ chặng đường trước 1965. Tuy nhiên khi kế thừa và phát triển nó, các nhà văn đã có thay đổi cho phù hợp với sự chuyển biến của miền Nam. Nội dung phê phán trực diện và cụ thể hơn, hướng tới việc giúp nhân dân hiểu rõ tình thế của

họ. Đây là một bước tiến mới chứng tỏ sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh cũng như sự quyết liệt của các cây bút yêu nước.

2.2. Ý thức về thân phận văn hoá từ góc nhìn thuộc địa

Ở đây, chúng tôi vận dụng lý thuyết hậu thuộc địa để tìm hiểu ý thức về thân phận văn hóa, một trong những biểu hiện của chủ thể thuộc địa trong sự va chạm với văn hóa thực dân.

2.2.1. Niềm hoài nhớ những giá trị văn hoá truyền thống

“Niềm hoài nhớ” là một biểu hiện tâm lý thường thấy của người dân thuộc địa (hoặc cựu thuộc địa) khi họ nhận thức được sự thay đổi của đời sống xã hội – văn hoá và của chính mình như là một “cái khác”. Trong TNYNĐTMN sau 1965, niềm hoài nhớ tập trung vào phong tục tập quán truyền thống của dân tộc và “chơn trời quen thuộc” của người dân (nổi bật ở truyện ngắn của Sơn Nam và Bình Nguyên Lộc). Đó cũng chính là biểu hiện cụ thể của con đường “tìm về dân tộc” mà các tác giả muốn nhắn gửi đến người đọc.

2.2.2. Tình trạng “mất cội rễ” hay là sự khác khoải về thân phận văn hoá

Đây cũng là biểu hiện của người dân thuộc địa khi khoảng cách với văn hóa truyền thống ngày một lớn dần, mà khoảng cách với văn hóa ngoại lai thì không thể xóa nhòa. Các tác giả chú ý một cách xót xa đến sự thay đổi từ khung cảnh, đời sống cho đến tâm hồn con người. Thái độ có phần cực đoan của một số tác giả (Phong Sơn, Trần Hữu Lục) đối với tiếng Mỹ cũng là một biểu hiện của sự kháng cự tất yếu đối với văn hóa mẫu quốc. Tất cả những điều đó thể hiện sự khác khoải trước thân phận văn hóa của dân tộc.

2.2.3. Tâm thức lưu đày – một biểu hiện của người dân thuộc địa

“Tâm thức lưu đày” là thuật ngữ của lý thuyết hậu thuộc địa (tạm dịch từ exile), được dùng để chỉ nhiều đối tượng. Với TNYNĐTMTN, tâm thức lưu đày thể hiện ở 3 điểm chính. Một là trạng thái “lưu vong” của người nông dân bị buộc tản cư, vẫn sống ở miền Nam mà thấy như mình lưu lạc nơi đất khác. Hai là tình trạng bế tắc, tự lưu đày của thanh niên, trí thức – nhìn mọi thứ trở nên xa lạ và thấy mình không thể dung hợp được với cuộc đời. Ba là trạng thái lạc loài của người lính quân đội Sài Gòn – thấy mình lạc lõng giữa quê hương. Tất cả các nhân vật trên đều cảm thấy mình không còn là chủ thể trên quê hương, không được làm chủ cuộc đời mình, các mối dây gắn kết với dân tộc, với văn hoá, với truyền thống dần lỏng lẻo, thậm chí đứt rời. Từ trong tâm thức họ, đó mới là nỗi đau đớn không thể xoá nhoà, không thể nguôi quên.

2.3. Ý thức đấu tranh từ góc nhìn công dân

Có thể xem đây là kết quả cao nhất của ý thức về thực tại và ý thức về thân phận văn hóa. Với TNYNĐTMTN sau 1965, ý thức đấu tranh đã chuyển từ chuyện hôm qua, từ quá khứ (cuộc kháng chiến chống Pháp) sang đối diện và giải quyết vấn đề hôm nay: cuộc đấu tranh với Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

2.3.1. Quá trình nhận thức và đấu tranh với chính mình của thanh niên

Quá trình đấu tranh bắt đầu từ những việc có phần đơn giản nhưng rất quan trọng ở thanh niên: nhận thức về thực trạng đất nước, về trách nhiệm của mình, đấu tranh trước hết là với chính mình. Nhiều nhân vật của Biên Hồ, Phan Du, Trần Hữu

Lục, Lê Tất Điều... đã lựa chọn tránh xa những tiêu cực của xã hội, hòa mình với đời sống nhân dân và phản kháng lại cái xấu ngoài xã hội. Dù vẫn còn một vài hình tượng ít nhiều mang tính minh họa hoặc những đoạn đối thoại mang tính lý thuyết, nhưng những tác phẩm trong nhóm này chính là nỗ lực đáng ghi nhận của các tác giả. Đó cũng chính là tiền đề quan trọng để hướng đến con đường đấu tranh trực diện hơn.

2.3.2. Quá trình trải nghiệm và đấu tranh của người dân nghèo

Khác với thanh niên – trí thức (thường nhận thức bằng kiến thức, bằng lý luận và suy ngẫm), quá trình nhận thức của người dân nghèo diễn ra chủ yếu bằng trải nghiệm thực tế. Nhiều truyện ngắn xây dựng hình tượng những người lao động nghèo khổ, trải qua bi kịch của gia đình, của bản thân để rồi nhận ra đấu tranh là con đường duy nhất. Điểm đặc biệt là hình tượng nhân vật ở đây thường là người già: lão Đá, lão Quế, lão Bảy, bác Tư, bác Tám, ông Tôn Thọ, ... (trong truyện của Trần Hữu Lục, Võ Trường Chinh, Trần Hồng Quang, ...). Có lẽ chính vì vậy mà trải nghiệm của họ càng trở nên đáng giá.

2.3.3. Hình ảnh người công dân yêu nước

Đây là khía cạnh đột phá của nội dung tranh đấu trong TNYNOĐTMN sau 1965, thể hiện sự đấu tranh trực diện và quyết liệt. Không còn sử dụng những hình ảnh tượng trưng, những cách nói bóng gió, hình ảnh người công dân yêu nước ở đây là những con người cụ thể. Thứ nhất, đó là những người anh hùng trong lịch sử thời chống Pháp (truyện của Nguyễn Văn Xuân), nhưng dạng này rất ít. Thứ hai, nhiều hơn và được xây dựng đầy đặn hơn, là những công dân đấu tranh chống Mỹ.

Hình tượng này được xây dựng với nhiều cấp độ, từ những người âm thầm đấu tranh ở đô thị đến những cán bộ thoát ly gia đình đi kháng chiến, và cả hình ảnh những người yêu nước bị tù đày, hy sinh vì lý tưởng. Dù vẫn còn những hình tượng chưa thật đậm nét nhưng tất cả là kết tinh tiếng nói yêu nước mạnh mẽ của các tác giả, có tác động rất tích cực đến xã hội miền Nam lúc bấy giờ.

Chương 3. TRUYỆN NGẮN
TRONG KHUYNH HƯỚNG VĂN HỌC YÊU NƯỚC
Ở ĐÔ THỊ MIỀN NAM 1965 – 1975
NHÌN TỪ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

3.1. Thế giới nhân vật được khắc họa sinh động

Thế giới nhân vật là một trong những thành công của TNYNOĐTMN 1965-1975. Bên cạnh những chi tiết đậm chất đời thường, các tác giả còn chú ý khắc họa tính cách và nội tâm nhân vật.

Tính cách nhân vật được làm nổi bật bằng thủ pháp đối lập: tính cách > < hoàn cảnh (truyện của Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Quang Tuyền), tính cách > < tính cách (cùng 1 nhân vật) (truyện của Phan Du, Dương Trữ La), tính cách > < tính cách (2 nhân vật) (truyện của Huỳnh Ngọc Sơn, Trần Hữu Lục). Thủ pháp này làm cho tính cách nhân vật bộc lộ rõ nét hơn. Điều đặc biệt là ở mảng truyện ngắn này, nhiều tác giả đã chú ý việc khắc họa nội tâm nhân vật bằng kỹ thuật dòng ý thức. Truyện của Biên Hồ, Ngụy Ngũ, Thế Vũ,... đem lại cho người đọc hiện thực tâm hồn sâu kín của nhân vật, là cầu nối để tạo sự cảm thông, đồng cảm giữa người đọc – nhân vật – nhà văn.

Bên cạnh thành công trên, một số nhân vật còn được xây dựng đơn giản, nhận thức mơ hồ, chuyển biến có phần dễ dãi, vì vậy hình tượng có phần mờ nhạt.

3.2. Nghệ thuật trần thuật đậm chất hiện đại

3.2.1. Sự chiếm lĩnh của phương thức trần thuật chủ quan

Đây là một trong những điểm mà chúng tôi cho là nổi bật nhất về nghệ thuật trần thuật của TNYNOĐTMN sau 1965.

66% tác phẩm được khảo sát (239/362 truyện) thuộc về phương thức trần thuật chủ quan, gắn với điểm nhìn bên trong, và chủ yếu thuộc về các tác giả trẻ. Điều này làm cho tác phẩm hiện đại và độc đáo hơn trước rất nhiều, nhưng cũng rất phù hợp với truyện ngắn yêu nước ở đô thị.

3.2.2. Sự biến hoá trong giọng điệu trần thuật

Do đặc thù tồn tại công khai ở đô thị miền Nam, mảng truyện ngắn này không chỉ có giọng hào hùng là chính như văn học cách mạng mà đan xen nhiều giọng điệu. Đó là giọng tâm tình trong truyện của Phan Du, Võ Hồng, Minh Quân, Ngụy Ngữ. Đó là giọng thương cảm trong truyện Huỳnh Ngọc Sơn, Trần Duy Phiên, Võ Trường Chinh. Đó là giọng hài hước – giễu nhại trong truyện Bình Nguyên Lộc, Phan Du. Đó là giọng trang trọng – hào hùng trong truyện Nguyễn Văn Xuân, Võ Trường Chinh, Trần Hữu Lục. Tuy nhiên, sự phân biệt giọng điệu như trên hoàn toàn có tính tương đối. Mỗi tác giả, mỗi tác phẩm lại có sự đan xen nhiều giọng điệu (gắn với cả sự dịch chuyển điểm nhìn trần thuật) tạo nên sự thú vị cho người đọc.

3.3. Một số điểm nổi bật về không gian - thời gian nghệ thuật

3.3.1. Những biểu tượng không gian nổi bật

Ở đây, chúng tôi vận dụng hướng nghiên cứu biểu tượng để tìm hiểu một số hình ảnh không gian nổi bật trong TNYNOĐTMN 1965-1975. Điểm chung là mỗi biểu tượng trên đều chứa những nét nghĩa phổ quát và những nét nghĩa riêng, phù hợp với hoàn cảnh và dụng ý của tác giả. Chẳng hạn, biểu tượng dòng sông được dùng với ý nghĩa là nguồn gốc sự sống, là nơi tái sinh tâm hồn con người, nhưng đồng thời cũng lại

được dùng như biểu tượng của sự chia cắt. Sự kế thừa và sáng tạo của tác giả cũng được thể hiện trong các biểu tượng khác như cánh đồng, đất, rừng tạo nên ấn tượng sâu sắc cho độc giả.

3.3.2. Thời gian nghệ thuật đa dạng

Cách xử lý thời gian nghệ thuật cũng là một trong những yếu tố tạo nên thành công cho mảng truyện ngắn này. Về thời gian sự kiện, có đến 78% truyện chọn thời gian hiện tại (chủ yếu thuộc về tác giả trẻ), chứng tỏ tâm thế và mục tiêu phản ánh hiện thực đương thời rất rõ ràng. Một số yếu tố về thời điểm (ví dụ đêm tối) cũng góp phần đáng kể cho việc biểu đạt dụng ý của tác giả.

Về thời gian trần thuật thì dựa trên sự kiện chiếm đa số so với dựa trên tâm lý (85%). Đây cũng là điều dễ hiểu đối với truyện ngắn yêu nước. Tuy nhiên, ở một góc độ khác, khá nhiều tác phẩm lại sắp xếp sự kiện theo thời gian đảo tuyến, làm cho hình thức trần thuật trở nên đa dạng và sinh động hơn. Cùng với thời gian tâm tưởng, trật tự đảo tuyến về thời gian cũng là dấu hiệu tích cực chứng tỏ sự hiện đại của mảng truyện ngắn này.

3.4. Ngôn từ nghệ thuật đầy ấn tượng

3.4.1. Vẻ đẹp ngôn từ qua hệ thống từ láy

Khảo sát TNYNOĐTMN 1965-1975, chúng tôi nhận thấy nhóm Việt là hiện tượng nổi bật, trong đó có việc sử dụng từ láy. Văn xuôi nghệ thuật của các tác giả này dùng từ láy rất nhiều và hiệu quả. Với 470 trang sách in, chúng tôi thống kê được 4522 lượt với 1506 từ láy khác nhau, bình quân mỗi trang có 9.6 lượt từ (chỉ có 4/470 trang không có từ láy) và mỗi tác phẩm có khoảng 126 lượt từ láy. Con số này nhiều hơn hẳn từ

láy trong truyện Nguyễn Quang Sáng (cùng thời) và Nguyễn Ngọc Tư (sau nhóm Việt hơn 30 năm).

Điểm nổi bật là các tác giả sử dụng từ láy tượng thanh và tượng hình rất nhiều, từ láy tả sắc thái nhiều hơn hành động, và từ láy chủ yếu tập trung tả nhân vật (68%). Như vậy có thể thấy các tác giả vẫn không đi chệch khỏi mục đích chính của truyện ngắn, vẫn tập trung vào nhân vật, nhưng chú ý nhiều đến sắc thái, tâm lý hơn là hành động. Đây cũng chính là điểm khác biệt của mảng truyện ngắn này so với văn học giải phóng.

3.4.2. Sự ám ảnh của cú pháp

Ở đây chúng tôi đặc biệt chú ý đến hai trường hợp: độ dài của câu và câu hỏi tự vấn. Câu rất dài và rất ngắn được sử dụng khá phổ biến, tạo hiệu quả nghệ thuật đặc biệt. Câu rất ngắn xuất hiện chủ yếu khi tái hiện tình cảnh con người trong chiến tranh, tạo sự dồn dập, phù hợp với trạng thái hoảng loạn của nhân vật. Câu rất dài thường dùng cho tâm trạng nhân vật, nhất là người lính Sài Gòn, với những suy tư chồng lấn, ngổn ngang.

Mảng truyện ngắn này cũng xuất hiện rất nhiều câu hỏi tự vấn. Câu hỏi tự vấn có khi dùng để bộc lộ bản chất nhân vật, nhưng nhiều nhất là thể hiện quá trình nhận thức của nhân vật. Đó là những câu hỏi không cần ai trả lời, mà thật ra cũng không ai có thể trả lời được. Sự kết hợp giữa cấu trúc tự vấn với kỹ thuật dòng ý thức đã giúp người đọc thâm nhập vào thế giới tâm hồn, tư tưởng của nhân vật một cách tự nhiên, do đó người trần thuật cũng tránh được sự phán xét một chiều. So với truyện ngắn cách mạng vốn thiên về hành động và thái độ dứt khoát, có lẽ đây là một trong những điểm khác biệt cần lưu ý.

KẾT LUẬN

1. Hoàn cảnh chính trị - lịch sử phức tạp từ sau 1965, nhất là sự hiện diện đông đảo của lính Mỹ và đồng minh ở miền Nam, đã thôi thúc các cây bút yêu nước nối tiếp truyền thống dùng ngòi bút làm vũ khí đấu tranh. Tinh thần đấu tranh của các tác giả đã hoà nhịp với lòng yêu nước của nhân dân miền Nam, tạo nên một sự cộng hưởng hết sức tích cực và mạnh mẽ.

2. Các tác giả TNYNOĐTMN sau 1965 đã kế thừa từ chặng đường mười năm trước một số nội dung và thủ pháp nghệ thuật, nhưng đồng thời cũng có những bút phá đáng kể. Sự đồng cảm với số phận của nhân dân miền Nam vẫn là nội dung quan trọng, nhưng không phải chỉ trên cơ sở phê phán khả năng và thái độ của chính quyền Sài Gòn mà trên cơ sở vạch rõ âm mưu của Mỹ ở Việt Nam. Không dừng lại ở đó, truyện ngắn còn thâm nhập vào thế giới tâm hồn của người miền Nam, để thấu hiểu, bày tỏ tâm tư của họ - trong sự va chạm văn hoá với người Mỹ. Điều này chứng tỏ tinh thần dân tộc và lòng yêu nước không bao giờ phai nhạt trong lòng nhân dân miền Nam.

3. Một trong những nội dung có thể xem là có sự bút phá nhiều nhất của TNYNOĐTMN sau 1965 chính là hình ảnh những con người yêu nước. Điều làm nên giá trị đặc biệt của mảng truyện ngắn này chính là tính chất trực diện của sự đấu tranh, tính chất thực tế của hình ảnh con người yêu nước, không còn là những nhân vật hư cấu hay lịch sử xa xưa như trong truyện ngắn trước 1965. Hình ảnh này dù không đậm chất sử thi hay giàu cảm hứng lãng mạn như trong văn học cách mạng, nhưng đã chứng tỏ được khát vọng hoà bình, độc lập trong mọi tầng lớp nhân dân. Đây là một mảnh ghép làm phong phú và

hoàn thiện bức chân dung con người yêu nước trong văn học Việt Nam.

4. Khi nghiên cứu quá trình hiện đại hoá văn học Việt Nam, nhiều ý kiến cho rằng quá trình này bắt đầu ở phía Nam (Nam bộ đầu thế kỷ XX) nhưng hoàn thiện ở miền Bắc. Tuy nhiên, TNYNOĐTMN sau 1965 đã chứng minh được sự vận động không ngừng của quá trình hiện đại hoá văn học ở miền Nam. Sự phổ biến của thủ pháp dòng ý thức trong nghệ thuật xây dựng nhân vật là một minh chứng khá tiêu biểu. Nếu truyện ngắn cách mạng mang lại cho người đọc cái nhìn hướng ngoại với hiện thực rộng lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ thì truyện ngắn yêu nước ở đô thị lại có xu hướng hướng nội, khám phá hiện thực tâm hồn của con người miền Nam. Song hành với đó là sự chiếm lĩnh của phương thức trần thuật chủ quan, với điểm nhìn bên trong. Sự kết hợp này đem lại cho truyện ngắn một màu sắc khác lạ nhưng cũng thống nhất với văn học miền Bắc và vùng giải phóng về tính chất tiến bộ - yêu nước.

5. Mảng truyện ngắn này ghi dấu sự xuất hiện, trưởng thành và đóng góp vô cùng quan trọng của những cây bút trẻ, phần lớn bước ra từ phong trào đấu tranh của học sinh – sinh viên khắp các đô thị miền Nam. Mặc dù mỗi đặc điểm của truyện ngắn yêu nước đều ghi nhận đóng góp của cả hai thế hệ cầm bút, nhưng có một số phương diện mà các cây bút trẻ tỏ ra quan tâm hơn. Họ chú ý bày tỏ ý thức trách nhiệm của một công dân đối với thực trạng xã hội hơn là tình tự dân tộc. Họ hướng đến con đường tranh đấu trực tiếp chứ không chỉ kêu gọi “bám núu” quê hương. Họ dùng bối cảnh, hình ảnh con người của hiện thực đương thời chứ không phải chỉ mượn chuyện lịch sử hay

dùng hình ảnh ẩn dụ. Họ dùng bút pháp hướng ngoại với sự phơi bày hiện thực trần trụi, khắc nghiệt nhưng đồng thời cũng rất thành công với việc tái hiện hiện thực tâm hồn, chạm đến những tâm tình sâu kín của nhân dân miền Nam. Họ rất hiện đại trong việc xử lý kết cấu, thời gian nghệ thuật, phương thức trần thuật nhưng đồng thời cũng rất dân tộc khi biết vận dụng một cách sáng tạo để phát huy giá trị biểu đạt của ngôn ngữ dân tộc. Điều này chứng tỏ sự cộng hưởng, kế thừa, nối tiếp và phát triển rất đáng ghi nhận.

6. Cũng như bất kỳ bộ phận hay thể loại văn học nào khác, TNYNOĐTMN cũng có hạn chế nhất định. Việc tập trung vào cùng một mục tiêu (như ý thức về thực tại xã hội hay tâm tư người lính Sài Gòn) khiến cho khá nhiều tác phẩm có “màu sắc” giống nhau, làm giảm sự phong phú về phương diện nội dung cũng như phương thức phản ánh. Bên cạnh đó, mục tiêu dùng văn học như vũ khí tranh đấu tức thời cũng ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng nghệ thuật (một số trường hợp chưa đúng với khả năng của người cầm bút).

7. Đã 40 năm trôi qua kể từ ngày đất nước thống nhất, 30/4/1975, độ lùi về thời gian đã khiến cho cái nhìn về lịch sử và văn học ít nhiều thay đổi. Những ai nhìn văn học miền Nam bằng cái nhìn cực đoan, phủ định sạch trơn cũng đã ít nhiều chấp nhận tinh thần “gạn đục khơi trong”. Với TNYNOĐTMN 1965-1975, nhiều tác phẩm đã cho thấy kể cả khi vai trò lịch sử của nó kết thúc thì giá trị văn chương vẫn còn. Tìm hiểu, đánh giá và nhìn nhận mảng truyện ngắn này, cũng như khuynh hướng VHYNOĐTMN, chính là góp phần đặt một mảnh ghép làm hoàn chỉnh thêm bức tranh văn học Việt Nam hiện đại.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Bùi Thanh Thảo (2011), “Đất và người Nam bộ qua một số truyện ngắn của Anh Đức”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (18a), tr.145-152

2. Bùi Thanh Thảo (2012), “Truyện ngắn Võ Trường Chinh trong dòng văn học yêu nước đô thị miền Nam 1954 – 1975”, *Tạp chí ĐH Sài Gòn*, số chuyên đề Bình luận Văn học, tr.91-98

3. Bùi Thanh Thảo (2013), “Ý thức về thân phận văn hoá trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965 – 1975”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (29), tr.6-13

4. Bùi Thanh Thảo (2014), “Tính nước đôi trong truyện ngắn “Con thú tật nguyền” của Ngụy Ngữ”, *Tạp chí Đại học Sài Gòn*, Niên san 2013-2014, tr.76-83

5. Bùi Thanh Thảo (2015), “Biểu tượng trong truyện ngắn yêu nước thành thị miền Nam 1965-1975”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, (2 – 2015), tr.38-45

6. Bùi Thanh Thảo (2015), “Hình ảnh người chiến sĩ trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975”, *Tạp chí Khoa học Xã hội*, (200, 4 – 2015), tr.59-67

7. Bùi Thanh Thảo (2015), “Tâm thức lưu đày trong truyện ngắn yêu nước ở đô thị miền Nam 1965-1975”, Hội thảo Thông báo KH Ngữ Văn 2014, ĐH KHXH&NV TP.HCM, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, (39), tr.57-63

8. Bùi Thanh Thảo (2015), “Tù lách trong truyện ngắn nhóm Việt”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*, (19), tr.41-46.